

ỨNG DỤNG CÁC CÔNG CỤ CỦA GOOGLE VÀ MICROSOFT VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

Phạm Đức Thuận¹

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày kết quả một nghiên cứu gần đây thực hiện tại Trường Đại học Hoa Lư, trong đó, Google Classroom, Google Forms, Microsoft PowerPoint Office 365 được áp dụng để giảng dạy tiếng Anh 3 cho 31 sinh viên năm thứ 2. Thông qua các bài khảo sát, đánh giá, quan sát theo dõi trực tiếp trên lớp học và trò chuyện với sinh viên, tác giả của nghiên cứu đã thu thập nguồn dữ liệu và phân tích để trả lời câu hỏi nghiên cứu: Đây là những lợi ích và những khó khăn khi ứng dụng các công cụ công nghệ nêu trên vào giảng dạy và học tập tiếng Anh? Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc áp dụng các công cụ công nghệ đã tạo ra một không gian học tập mới lôi cuốn sự tham gia của sinh viên. Sinh viên thể hiện hứng thú mỗi khi đến lớp, chủ động và tích cực làm việc khi học. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, cuối bài báo cũng đưa ra một số bàn luận về tính cấp thiết và đề xuất ứng dụng công nghệ vào giảng dạy.

ABSTRACT

This article reports a recent study in which Google Classroom, Google Forms, and Microsoft PowerPoint Office 365 were integrated into teaching English for second-year students at Hoa Lu University. Questionnaires, weekly reflections, in-class observation, and semi-structured interviews were employed as data collection instruments. The study aims to find out what the integration of technological tools benefits the students in learning English and what the challenges are. The findings revealed that the implementation of the tools created a learning space in which students were attracted and involved in the learning process. They showed their joys every time they went to the class, and they became active in learning. Based on the results, there are some discussions at the end of the paper.

Title: Integration of google and microsoft products into teaching English

Từ khóa: Google Classroom, Google Forms, Office 365, các công cụ công nghệ, giảng dạy tiếng Anh

Keywords: Google Classroom, Google Forms, Office 365, technological tools, teaching English

Lịch sử bài báo:

Ngày nhận bài: 14/5/2019;

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 29/6/2019;

Ngày chấp nhận đăng bài: 21/7/2019.

Tác giả: Trường ĐH Hoa Lư

Email:

pdthuan@hluv.edu.vn

1. Giới thiệu

1.1 Google Suite for Education – Bộ công cụ hỗ trợ giáo dục của Google.

Bộ công cụ này được Google phát triển dành cho các nhà giáo dục ứng dụng vào công tác giảng dạy. Theo như mô tả của

Google, bộ công cụ này cung cấp sức mạnh cho các thầy cô giáo và học trò cùng nhau đổi mới và làm bùng cháy việc học tập. Mọi người có thể cùng làm việc, cùng hợp tác, chia sẻ và trao đổi bất kể lúc nào và nơi nào. Bộ công cụ này gồm nhiều ứng dụng: Gmail (thư điện tử), Google Drive (ổ lưu trữ),

Calendar (Lịch), Docs, Sheets, Slides, Forms, Jamboard, Sites, Hangouts Meet, Groups, Vault, và Classroom. Ngoài khả năng hoạt động bình thường trên giao diện web trên máy tính để bàn, máy tính xách tay, các ứng dụng này hiện nay hoàn toàn có thể dùng được trên các thiết bị di động như điện thoại thông minh (smartphones) và máy tính bảng (tablets).

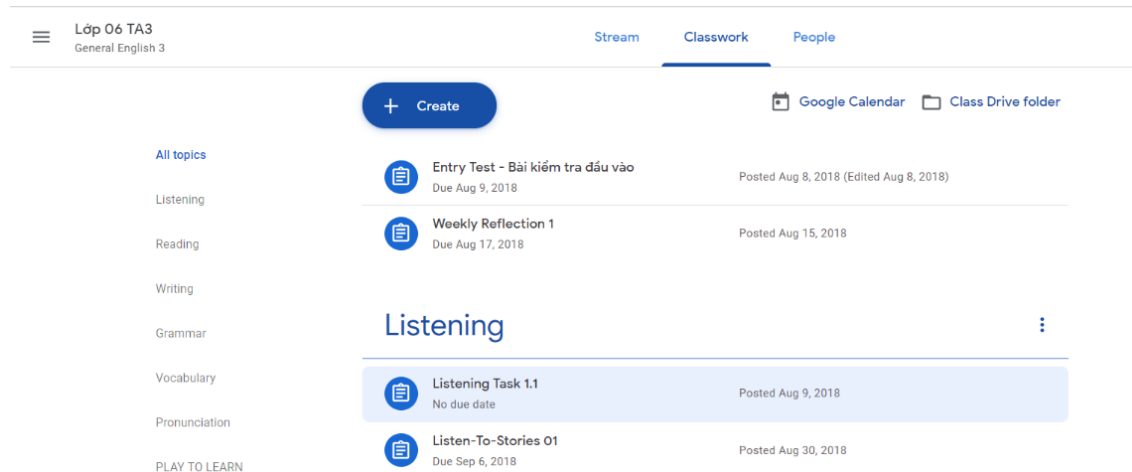
1.1.1 Google Forms

Google Forms là công cụ rất phổ biến do Google phát triển và cung cấp miễn phí. Nó được chủ yếu biết đến là công cụ để thu thập dữ liệu cho khảo sát, đăng ký khóa học. Nhưng nó cũng có chức năng tạo câu hỏi (Quiz) và các bài tập thực hành hoặc bài kiểm tra với các loại câu hỏi khác nhau: TỰ luận, trắc nghiệm, đúng / sai (True/False), ghép (matching). Qua nghiên cứu trước đó (Phạm, 2018), Google Forms được thử nghiệm trong môi trường giảng dạy tiếng Anh không chuyên với chức năng kiểm tra đánh giá. Và được kết luận rằng, Google Form hoàn toàn có thể được sử dụng để

giảng viên ra bài luyện tập, bài kiểm tra trong các mảng về Từ vựng (Vocabulary), Viết (Writing), Nghe (Listening), Đọc (Reading). Thông qua việc ứng dụng Google Forms trong học tiếng Anh, tác giả Phạm Đức Thuận (2018) cũng phát hiện ra rằng sinh viên rất hứng thú với việc học và có thái độ tích cực với môn học.

1.1.2 Google Classroom

Google Classroom cũng là một sản phẩm miễn phí của tập đoàn công nghệ Google nằm trong Bộ công cụ phục vụ cho giáo dục - Google Suite for Education. Google Classroom thuộc trong số các Hệ thống Quản lý Học tập (LMS - Learning Management System) phổ biến nhất hiện nay. Các chuyên gia công nghệ và các nhà giáo dục (Cortez, 2017; DiMaria, 2017 và Regan, 2017) đánh giá Google Classroom thực sự mang lại lợi ích cho cả giáo viên và sinh viên trong việc học tập trực tiếp trên lớp học và trong thời gian ngoài lớp học. lớp học trên Google Classroom (hình 1) có 3 giao diện chính sau:



Hình 1. Giao diện lớp học trên Google Classroom

- Stream (Dòng) – Giao diện chính theo dõi tất cả các hoạt động trao đổi chung giữa giáo viên và sinh viên, hoặc cũng có thể giữa giáo viên với một nhóm cụ thể, hoặc 1 cá nhân.

- Classwork (Bài tập được giao) – Giao diện thể hiện các bài tập ở các chủ điểm khác mà giáo viên giao cho sinh viên với rất nhiều các chức năng giao bài, chấm bài, trả

bài, nhập điểm, lên lịch giao bài, đặt hạn chót (deadline) cho bài tập.

- People (Quản lý con người) – Giao diện theo dõi các sinh viên trong lớp đồng thời có thể chia sẻ quyền quản lý lớp với các giáo viên khác. Giáo viên có thể xóa hoặc, thêm, hoặc email riêng cho sinh viên.

1.2 PowerPoint Microsoft Office 365

Tháng 5 năm 2018 đã tích hợp một chức năng mới vào PowerPoint trong bộ

công cụ Office 365 kinh điển của mình. Đó là chức năng Screen Recording (hình 2). Chức năng này vốn trước đó là một add-on độc lập có tên gọi Office Mix được thử nghiệm từ trước đó. Với chức năng này, các nhà giáo dục có thêm một công cụ hoàn toàn mới – ghi hình (quay video) các slides bài giảng được tạo ra trên PowerPoint. Điều này giúp giáo viên tạo ra các video bài giảng. Từ đó, giáo viên có thể tải lên chia sẻ, và gửi trực tiếp cho sinh viên xem lại.



Hình 2. Chức năng Screen Recording (ghi hình màn hình)

Với mong muốn tìm hiểu những lợi ích và những khó khăn khi áp dụng các công cụ trên, tác giả đã thực hiện nghiên cứu ứng dụng các công cụ Google Classroom, Google Forms và Microsoft PowerPoint Office 365 vào giảng dạy học phần tiếng Anh 3 cho 31 sinh viên lớp số 6 học kỳ 1 năm học 2018-2019. Hy vọng, kết quả nghiên cứu và phần thảo luận sẽ giúp cho các nhà quản lý và các giảng viên những ý kiến đóng góp thực tế để dần hoàn thiện và cải tiến phương pháp giảng dạy.

2. Nội dung

2.1 Thu thập dữ liệu

Để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu, tác giả đã sử dụng bài khảo sát đầu vào, khảo sát kết thúc học phần, đánh giá tuần (weekly reflection), quan sát theo dõi trực tiếp trên lớp học và trò chuyện phỏng vấn với sinh viên. Tất cả các bài khảo sát và đánh giá đều sử dụng Google Forms để lấy và phân tích thông tin.

- Bài khảo sát đầu vào được thực hiện ngay tuần đầu tiên của học phần. Nội dung của các câu hỏi tập trung vào lấy thông tin cá nhân của sinh viên, đánh giá học phần tiếng Anh trước đó (học phần tiếng Anh 2), và sự chuẩn bị về thái độ và kiến thức của sinh viên, và mục tiêu học tập cho học phần.

- Bài khảo sát cuối khóa được thực hiện vào tuần cuối cùng của học phần. Mục tiêu của khảo sát là tìm hiểu những ý kiến đánh giá của sinh viên về các mặt của khóa học: phương pháp giảng dạy, mức độ hiệu quả làm việc, sự nỗ lực cố gắng, tính chủ động và động lực học, thái độ của sinh viên đối với môn học sau 1 học phần, đánh giá của sinh viên đối với việc áp dụng công nghệ thông tin. Các câu hỏi đánh giá theo thang 5 bậc (1 = Hoàn toàn không đồng ý, 5 = Hoàn toàn đồng ý). Câu cuối cùng là câu hỏi mở để sinh viên bổ sung thêm ý kiến riêng.

- Bài đánh giá tuần được thực hiện vào tuần thứ 3 và tuần thứ 8 với mục đích tìm hiểu những khó khăn của sinh viên trong việc

học, và kiểm tra mức độ tham gia (involvement) vào quá trình học và sự nắm bắt của sinh viên đối với các nội dung học tập.

- Quan sát trên lớp là công cụ giảng viên thực hiện hàng tuần trên lớp học giúp nắm bắt các hoạt động của sinh viên trong các giờ học, sự chuyển biến trong không khí học tập, và phản ứng biểu hiện của sinh viên.

- Trò chuyện trao đổi với sinh viên trong giờ giải lao và trong khi làm bài cung cấp thêm nguồn dữ liệu giúp giảng viên nắm bắt thêm các thông tin bổ sung kỹ hơn mà sinh viên có thể chưa trình bày hết trong khảo sát.

2.2 Học phần tiếng Anh 3

Học phần tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành học sau khi đã hoàn thành tiếng Anh 1 và tiếng Anh 2. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ tích lũy được 4 tín chỉ học tập với 60 tiết học trên lớp (40 tiết lý thuyết và 20 tiết thảo luận – bài tập), 120 tiết tự học, 12 tiết hướng dẫn tự học, và 4 tiết kiểm tra đánh giá.

Giáo trình chính sử dụng trong học phần tiếng Anh 3 là bộ giáo trình New English Files của nhà xuất bản Oxford, cấp độ Intermediate. Giáo trình có 7 bài (units), mỗi bài thường có 6 phần (A, B, C, Practical English, Writing, Revise & Check) với 3 nội dung cốt lõi ở mỗi phần A, B, C là Grammar, Vocabulary, và Pronunciation.

Căn cứ vào thời lượng quy định trong 4 tín chỉ và các nội dung trình bày trong giáo trình, đề cương chi tiết học phần tiếng Anh 2 đã xếp lịch học tập và giảng dạy diễn ra trong 15 tuần, mỗi tuần 4 tiết, thực hiện trong 2 buổi học. Để giúp sinh viên nắm bắt được các nội dung của toàn học phần, sinh viên được phát bản đề cương chi tiết ngay buổi học đầu tiên của học phần.

2.3 Quá trình ứng dụng các công cụ vào giảng dạy và học tập:

Tham gia nghiên cứu này là lớp số 6 với 31 sinh viên từ 3 chuyên ngành Giáo dục Tiểu học (23 sinh viên, chiếm 74.2 %), Giáo dục Mầm non (1) và Kế toán (7) (hình 5).

Quá trình áp dụng các công cụ đã nêu được thực hiện ngay từ buổi học đầu tiên của tuần đầu tiên của học phần tiếng Anh 3 tại phòng máy tính số 3 tầng 2 tòa nhà Trung tâm Thư viện – Thiết bị. Phòng máy có 40 máy tính có kết nối internet, và 1 máy chiếu.

Buổi học đầu tiên, sinh viên đã được hướng dẫn sử dụng phòng máy, máy tính, cách thức đăng nhập vào lớp học trên Google Classroom, và các chức năng của Google Classroom, Google Mail, và Google Drive phục vụ quá trình học tập xuyên suốt 15 tuần. Sinh viên cũng được nhắc nhở tải các ứng dụng trên về điện thoại của mình. Sau khi được tập huấn, sinh viên đã cơ bản sử dụng được các công cụ công nghệ này.

Kết quả khảo sát đầu khóa lấy thông tin về người học cho thấy tất cả các sinh viên đều sử dụng điện thoại thông minh (smartphones), trong số đó, một số em có sở hữu cả máy tính xách tay (laptops). Bên cạnh đó, trên 90% sinh viên trong lớp khẳng định hằng ngày các em sử dụng internet trên 2 tiếng. Cụ thể, 29% nói rằng các em sử dụng internet 3-5 tiếng, 61.3% sử dụng internet 2-3 tiếng (hình 6). Đây là yếu tố điều thuận lợi để áp dụng các công cụ công nghệ vào dạy học và đảm bảo điều kiện cho sinh viên tiếp cận hết nội dung học tập.

Trên cơ sở bám sát nội dung học tập trong đề cương chi tiết học phần, giảng viên đã sử dụng Google Forms để thực hiện chuyển đổi các bài luyện tập từ sách giáo trình, sách bài tập, bộ tài liệu kiểm tra đánh

giáo đi kèm giáo trình và một số nguồn tham khảo khác về đọc (Reading) và nghe (Listening). Kết quả, sau quá trình giảng dạy 15 tuần, giảng viên đã tạo ra 151 bài luyện tập với 1524 câu hỏi các loại sử dụng Google Forms ở 8 chủ điểm (Bảng 1): Writing, Vocabulary, Quick Test, Pronunciation, Listening, Video Checks, Grammar Practice, và Reading. Các bài luyện tập này được giảng viên đăng trên Google Classroom, từ đó hệ thống sẽ tự động thông báo trên ứng dụng hoặc trong email.

Trong tổng số 151 bài luyện tập này, 116 đã được giảng viên gửi hàng tuần cho sinh viên làm bài luyện tập về nhà, 35 bài là làm trực tiếp trên lớp. Trung bình mỗi tuần sinh viên có 10 bài được giao. Hình thức trắc nghiệm là dạng luyện tập chủ yếu nhất. Ngoài ra các câu hỏi còn có dạng viết (tự luận) và ghép (matching). Riêng với phần thực hành kiểm tra kiến thức lý thuyết đi kèm sau các videos bài giảng, các câu hỏi dùng hoàn toàn dạng tự luận.

Đối với các bài trắc nghiệm, giảng viên thường để chế độ trả bài luôn trong Google Forms. Do đó, ngay sau khi nộp bài (submit), sinh viên biết luôn kết quả và có thể xem lại các câu sai. Và giảng viên cũng không mất thời gian chấm bài. Đối với các bài tự luận, giảng viên phải dành thời gian chấm riêng từng bài sau đó mới trả bài. Trong khi chấm bài tự luận, giảng viên thường thêm các nhận xét vào phần bài bị làm sai để khi xem kết quả sinh viên cũng có thể nhận ra thiếu sót trong bài làm của mình. Kết quả của các bài luyện tập được giảng viên trình chiếu trên màn hình máy chiếu trong các buổi học trên lớp, và công bố trên Google Classroom.

Bảng 1. Tổng hợp các bài luyện tập dùng Google Forms

Stt	Chủ điểm	Số bài	Số câu hỏi/Bài	Dạng câu hỏi
1	Writing	10	10	Viết
2	Vocabulary	15	10	Viết/Trắc nghiệm
3	Quick Test	21	20	Trắc nghiệm
4	Pronunciation	10	10	Trắc nghiệm
5	Listening	10	10	Viết/Trắc nghiệm
6	Videos Check	28	3	Viết
7	Grammar Practice	40	10	Viết/Trắc nghiệm
8	Reading	17	10	Trắc nghiệm/Ghép
	Tổng	151	1524	

Trong học phần tiếng Anh 3, Ngữ pháp (Grammar) là nội dung khá nặng với 21 chủ điểm chia đều trong 7 bài trong giáo trình. Tuy nhiên, giảng viên đã sử dụng PowerPoint trong Office 356 để chuẩn bị slides bài giảng. Sau đó giảng viên sử dụng chức năng Screen Recording tạo video bài giảng bằng chính giọng nói của mình trên các slides. Giảng viên xem lại video kiểm duyệt nội dung và chất lượng video. Bước cuối là upload - tải các video này lên Youtube. Links liên kết các video bài giảng này được đăng trên Google Classroom kèm theo 1 bài Video Check hoặc 1 bài Grammar Practice. Sinh viên phải xem hết nội dung video thì mới có thể trả lời được câu hỏi trong các bài luyện tập đính kèm. Tổng số các video bài giảng được tạo là 28 (bảng 2). Mỗi video thường dài khoảng 4-11 phút. Và nội dung kiến thức trình bày trong các videos bám sát 21 chủ điểm ngữ pháp trong giáo trình (Grammar Bank). Tất cả các bài luyện tập, các video, các bài khảo sát thực hiện trong quá trình áp dụng được tác giả lưu trong 1 mục (folder) riêng trên Google

Drive (Phụ lục). Giảng viên và sinh viên cũng thống nhất phương thức tính điểm các bài luyện tập ngay từ buổi học đầu tiên. Theo đó, kết quả của tất cả các bài luyện tập trên lớp hay về nhà mà sử dụng công cụ

Google Forms đều được tích lũy, tính tổng rồi chia đều làm 1 đầu điểm kiểm tra thường xuyên. Các trường hợp không làm bài được tính điểm 0. Các bài đều được để thời hạn 1 tuần. Sau 1 tuần các bài sẽ bị khóa.

Bảng 2. Tổng hợp các Videos bài giảng

<i>Stt</i>	<i>Chủ đề</i>	<i>Links</i>	<i>Thời lượng</i>
1	Present Simple	https://youtu.be/tpxc1nyZOTw	0:10:19
2	Present Continuous	https://youtu.be/pyQtGmoSV4c	0:09:32
3	Action Verbs vs Non action Verbs	https://youtu.be/XzA6YSe0C0k	0:09:01
4	Past Simple	https://youtu.be/koJHtkNETcU	0:11:06
5	Past Continuous	https://youtu.be/UBQu755luLo	0:06:24
6	Past Perfect	https://youtu.be/e7UVz6jaAw0	0:10:09
7	Using narrative tenses together	https://youtu.be/nf5IWC3r0EI	0:06:48
8	Future Forms	https://youtu.be/BszoClcNbRA	0:07:47
9	Present Perfect	https://youtu.be/Fch_s6nXOoM	0:08:11
10	Present Perfect or Past Simple	https://youtu.be/zyHf8edj9fk	0:03:39
11	Present Perfect Continuous	https://youtu.be/oT-8VjBCWKY	0:07:01
12	Comparatives and superlatives	https://youtu.be/e1gPBaCaA9g	0:08:00
13	Modal Verbs 1	https://youtu.be/kGUYpNAp3o0	0:06:22
14	Modal Verbs 2	https://youtu.be/Yg8zp8rq9mY	0:08:05
15	First Conditional	https://youtu.be/gUUVVvhdaCQ	0:06:21
16	Second Conditional	https://youtu.be/WzVbBHLMaWA	0:06:09
17	Used to	https://youtu.be/kPrYeVxDtbM	0:04:16
18	Articles	https://youtu.be/YSPNeggcQEO	0:06:27
19	Quantifiers	https://youtu.be/dJtaMq8RUNw	0:05:34
20	Gerunds and Infinitives	https://youtu.be/D1HoHGnZH3U	0:07:38
21	Reported Speech – STATEMENTS	https://youtu.be/3fnXdpTlhyQ	0:08:24
22	Reported Speech – QUESTIONS + COMMANDS	https://youtu.be/FCWStHY8WvE	0:06:36
23	The Passive	https://youtu.be/jauKHKc1BGU	0:04:08
24	Relative Clauses	https://youtu.be/nWgsE143hKY	0:06:24
25	Third Conditional	https://youtu.be/nGdfrqbHxf0	0:04:58
26	Question Tags	https://youtu.be/dB0evyOAbIM	0:05:01
27	Indirect Questions	https://youtu.be/KyBd8-qWAQQ	0:04:22
28	Phrasal Verbs	https://youtu.be/MLzLklzWdOM	0:08:21

3. Thảo luận kết quả

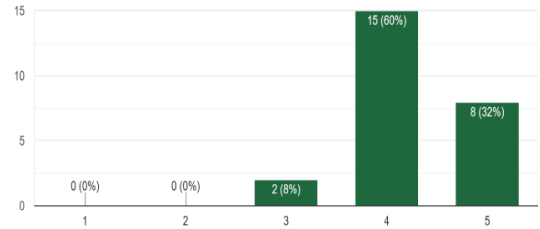
3.1 Lợi ích của việc ứng dụng các công cụ công nghệ

3.1.1 Lợi ích đối với sinh viên:

Phân tích nguồn dữ liệu thu thập được, có thể thấy việc ứng dụng các công cụ công nghệ của Google và Microsoft đã mang lại những tác động tốt về mặt tâm lý tới sinh viên trong quá trình học học phần tiếng Anh 3. Qua quan sát trên lớp, giảng viên ghi nhận, mỗi khi được giao bài, sinh viên đều hăng say làm bài. Và khi biết kết quả các em thường ngó sang màn hình của nhau, xem đáp án, bông đùa bàn luận, so sánh kết quả với nhau. Và trong khi trò chuyện với giảng viên, nhiều em trong lớp cũng tâm sự rằng, các em thấy việc học rất nhẹ nhàng và thoải mái. Việc làm bài đối với các em cũng tiện lợi. Bất kể ở nơi đâu, bất kể thời điểm nào các em cũng có thể làm bài. Và các nội dung học tập có thể xem lại, không bị bỏ lỡ. Nhiều em cũng tâm sự rằng, trước đây làm bài trên sách giáo trình các em thấy rất ngại, vì không gian trình bày trên trang giấy chật hẹp và rất khó chịu vì không đủ chỗ để viết câu trả lời. Do vậy, có khi chỉ một hai bạn trong nhóm làm đề phòng thầy cô gọi có cái trả lời. Bên cạnh đó, làm bài trên giấy cũng chẳng biết đúng sai thế nào, trong khi thầy cô đa phần không chấm, không kiểm tra, chỉ khi hết giờ làm bài mới chữa chung trên bảng.

Trong bài khảo sát cuối khóa, 25/31 em đã tham gia trả lời các câu hỏi. Hình 3 dưới đây cho thấy trên 90% sinh viên khẳng định rất thích khi được theo dõi và biết kết quả của mình.

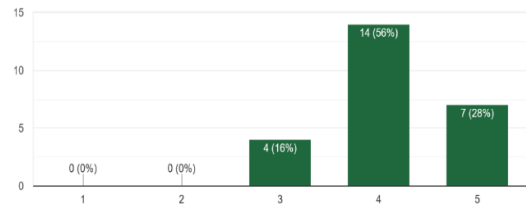
Tôi rất thích một điều là tôi luôn theo dõi được kết quả học tập của mình.
25 responses



Hình 3. Quan điểm của sinh viên về việc được biết kết quả làm bài

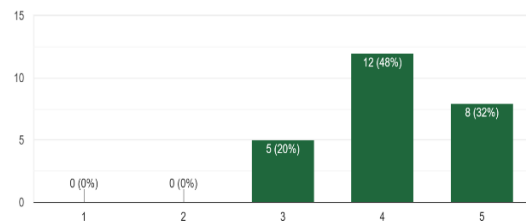
Hình 4 cho thấy, 84% sinh viên cho rằng việc học tiếng Anh có nhiều cái thú vị. Như vậy, có thể nhận ra rằng, việc áp dụng công nghệ thông tin vào dạy học đã mang lại hiệu ứng tâm lý tốt đối với sinh viên. Nhờ có các công cụ công nghệ hỗ trợ trong quá trình học, sinh viên có thái độ tích cực đối với môn học, yêu thích môn học. Và không gian lớp học trở thành nơi các em tìm thấy niềm vui. 80% sinh viên trong lớp rất đồng ý rằng họ thoải mái mỗi khi đến lớp (hình 5).

Học tiếng Anh có nhiều cái thú vị.
25 responses



Hình 4. Thái độ của sinh viên với việc học tiếng Anh

Tôi thấy thoải mái mỗi khi đến lớp học.
25 responses

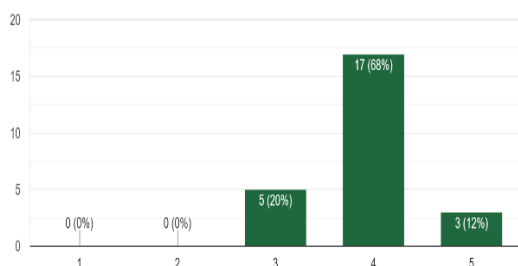


Hình 5. Sự thoải mái khi đến lớp

Một kết quả tích cực khác mà ứng dụng các công cụ công nghệ mang lại là sự thay đổi của sinh viên trong tác phong, kỹ năng, chiến lược trong học tập, và sự tham gia (involvement) vào quá trình học tập nhiều hơn. Đa số sinh viên (80%, hình 6) ghi nhận đã chăm chỉ và cố gắng hơn trong việc học tiếng Anh và quản lý quá trình học tập tốt hơn. Điều này cũng trùng với ý kiến các em chia sẻ trong những lần trò chuyện với giảng viên. Có em tâm sự rằng hệ thống thông báo tự động của các công cụ trên điện thoại nhắc nhở sinh viên mỗi khi có bài mới. Do vậy, “bọn em không thể lười được”. Một số em cũng nói rằng: Nếu lỡ chưa làm bài thì cũng thấy ngại và phải làm bù, vì thầy chiếu kết quả trên màn hình nên mọi người trong lớp đều biết ai đã làm, ai chưa làm, và kết quả cụ thể ra sao. Và đa số các em (hình 7) khẳng định ý thức và chủ động được việc học của mình hơn.

Tôi thấy mình đã trở nên chăm chỉ hơn.

25 responses



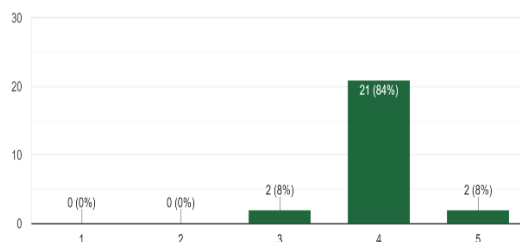
Hình 6. Sự chăm chỉ cố gắng của bản thân

Bên cạnh những kết quả tốt kể trên, dữ liệu thu nhận cũng cho thấy, tích hợp các công cụ công nghệ vào giảng dạy giúp sinh viên làm việc hiệu quả hơn. Hình 8 dưới đây cho thấy, 92% sinh viên khẳng định làm việc hiệu quả hơn so với học kỳ trước đó. Điều này cũng phản ánh đúng thực tế khi giảng viên theo dõi kết quả làm hơn 150 bài tập được giao cho sinh trên bảng điểm. Nhiều em cũng nói trực tiếp với giảng viên rằng, học kỳ trước các em gần như không làm bài tập về nhà nào. Thậm chí, ngay cả với các bài tập thực hành trên lớp các em cũng không làm.

Theo tính toán của giảng viên, bình quân mỗi tuần các em được giao 10 bài luyện tập các loại, và các em sẽ phải dành khoảng 2 tiếng đồng hồ (120 phút) mỗi tuần để hoàn thành.

Tôi ý thức được việc học hành của mình hơn.

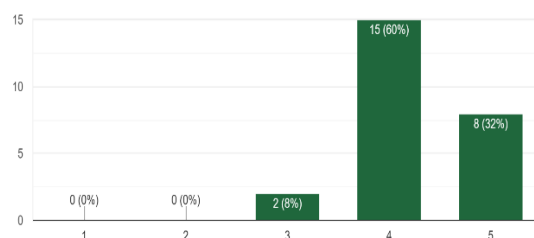
25 responses



Hình 7. Sự tiến bộ trong ý thức học tập

So với các học kỳ trước, tôi thấy việc làm bài tập trở nên tiện lợi và hiệu quả hơn rất nhiều.

25 responses

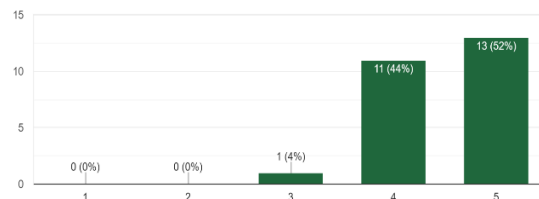


Hình 8. Tính hiệu quả trong học tập

Như vậy, việc giảng dạy tích hợp các công cụ công nghệ đã giúp cho các em có cơ hội được làm việc, và có các lựa chọn học tập phù hợp với các em. Khoảng thời gian tự học, tự chuẩn bị, tự nghiên cứu 8 tiếng mỗi tuần (theo yêu cầu của học phần) sẽ trở nên có ý nghĩa hơn.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong học phần tiếng Anh 3 làm cho KỸ NĂNG SỬ DỤNG MÁY TÍNH của tôi được cải thiện.

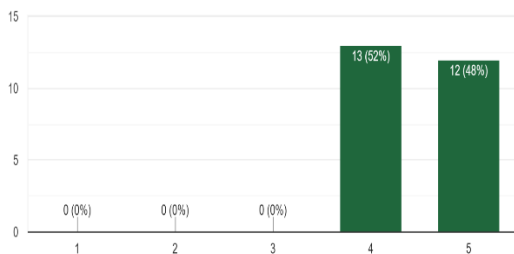
25 responses



Hình 9. Sự tiến bộ trong kỹ năng sử dụng máy tính

Thông qua theo dõi các hoạt động trên lớp học, giảng viên cũng ghi nhận tính linh hoạt, ưu việt và sự phù hợp với lực học cho từng sinh viên mà việc ứng dụng công nghệ mang lại. Nhiều sinh viên sau khi hoàn thành xong bài của mình trước các bạn, đã yêu cầu giảng viên gửi thêm bài để cách làm trong khi chờ đợi các bạn khác, hoặc xin phép giảng viên làm bù bài hôm trước. Ngoài ra, giảng viên cũng theo dõi thấy sự tiến bộ của sinh viên trong việc sử dụng máy tính, sử dụng các công cụ công nghệ, tra cứu thông tin trên internet. Hầu hết các sinh viên (96%, hình 9) xác nhận ứng dụng công nghệ thông tin làm cho kỹ năng sử dụng máy tính được cải thiện. Kỹ năng tin học của các em tốt lên rất nhiều sau một học phần. Có em chia sẻ trên lớp trực tiếp với giảng viên rằng “nhờ có thầy, bây giờ em gõ máy tính nhanh hơn nhiều so với trước đây”. Kỹ năng tra cứu và thông tin của sinh viên cũng tốt hơn. Tất cả các em (100%, hình 10) khẳng định việc sử dụng máy tính thường xuyên để làm bài hàng tuần giúp kỹ năng tra cứu và xử lý thông tin của các em tốt hơn.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong học phần tiếng Anh 3 làm cho KỸ NĂNG TRA CỨU VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN của tôi tốt hơn.
25 responses



Hình 10. Sự tiến bộ trong kỹ năng tra cứu và xử lý thông tin

3.1.2 Lợi ích đối với giảng viên:

Thứ nhất, việc ứng dụng công nghệ đã giúp giảng viên giảm tải được áp lực lượng thời gian eo hẹp phải truyền đạt khối lượng

kiến thức lớn cho sinh trên lớp. Thay vì phải trình bày hết các nội dung học tập trên lớp, nay có thể chuyển thành các phần luyện tập, tự học, tự nghiên cứu ở nhà và những lúc không đến lớp. Cụ thể, việc giảng dạy mỗi chủ điểm ngữ pháp và luyện tập cho sinh viên trên lớp thông thường sẽ mất khoảng 30 phút. Nhưng việc có các video bài giảng gửi về nhà cho sinh viên tự xem, tự nghiên cứu, tự luyện tập đã giúp tiết kiệm được lượng thời gian tương ứng dành cho các nội dung học tập khác, hoặc dành cho thảo luận, tranh luận, trao đổi và các hoạt động thực hành khác. Và với tổng số 28 video bài giảng đã được tạo ra trong suốt học phần 15 tuần, giảng viên có thêm khoảng trống thời gian 840 phút trên lớp (tương đương 14 tiếng). Qua theo dõi thử nghiệm trên lớp, mỗi video các em xem mất khoảng 10 phút (một số sinh viên nói xem tới vài lần) để nắm bắt nội dung và khoảng 15 phút nữa để trả lời câu hỏi kiểm tra kiến thức lý thuyết trình bày trong video trong bài luyện tập Video Checks đi kèm.

Thứ hai, với sự hỗ trợ của Google Classroom, giảng viên đã thực sự đồng hành cùng với sinh viên trong suốt quá trình học. Việc quản lý lớp học, và các hoạt động học tập giảng dạy trở nên thân thiện, khoa học và tiện lợi hơn rất nhiều. Giảng viên nắm bắt được tình hình làm bài, trả bài, điểm mạnh điểm yếu trong các mảng kiến thức của sinh viên. Đồng thời, giảng viên cũng hỗ trợ được sinh viên tốt hơn. Khi các em gặp vấn đề gì, các em có thể trao đổi trực tiếp luôn với giảng viên, hoặc chính sinh viên cũng có thể hỗ trợ nhau trên không gian của lớp học Google Classroom. Ngoài thời gian trực tiếp hàng tuần gặp gỡ trên lớp, giảng viên và sinh viên có thể liên lạc với nhau bất kể lúc nào.

3.2 Những khó khăn khi áp dụng

Trong suốt quá trình 15 tuần thực hiện áp dụng các công cụ vào việc dạy học, tác giả gặp phải các khó khăn sau đây:

Tác giả - giảng viên thực hiện nghiên cứu không phải là một chuyên gia về công nghệ cả về phần mềm và phần cứng. Và những kiến thức về công nghệ là do tự học và tích lũy được từ 2 khóa đào tạo ngắn hạn về công nghệ. Do đó, chính bản thân tác giả cũng gặp những khó khăn trong việc xử lý các lỗi với máy tính sử dụng trên phòng máy như: Bật máy không lên, máy không lên âm thanh, máy không kết nối được internet, lỗi phông chữ,... Khi các tình huống trên xảy ra, giảng viên thường phải nhờ sự hỗ trợ của chuyên viên kỹ thuật.

Đề cương chi tiết Học phần tiếng Anh 3 cho đào tạo tín chỉ được xây dựng trên cơ sở của bộ đề cương chi tiết của đào tạo niên chế trước đó. Tính chất mở và linh hoạt cho giảng viên không có nhiều trong việc thiết

kế và tích hợp vào các công cụ công nghệ vào giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

Các công cụ áp dụng rõ ràng có những ưu điểm tuyệt vời hỗ trợ giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, trên thực tế chưa có một phương pháp kiểm chứng nào hoặc mô hình (model) khoa học nào để kết hợp hoàn hảo các công cụ trên phát huy tối đa hiệu quả mang lại. Quá trình tác giả áp dụng chỉ mang tính nghiên cứu cá nhân trên một nhóm người học cụ thể. Tác giả chuẩn bị, áp dụng, giảng dạy và nghiên cứu đồng thời cùng một lúc, chưa có một phương pháp thống nhất khoa học.

Bên cạnh đó, lượng thời gian dành cho việc soạn bài (các bài luyện tập và làm videos) là rất lớn (Bảng 2). Tổng thời lượng ước tính giảng viên dành cho việc soạn bài, chuẩn bị bài/học kỳ là 9400 phút, tương đương khoảng 156 giờ. Do vậy, việc sắp xếp phân bổ các nội dung học tập có thể chưa hợp lý về thời gian cũng như hàm lượng kiến thức: Có thể hơi nhanh, cũng có thể hơi chậm, hoặc có thể hơi nhiều hoặc chưa đủ.

Bảng 3. Thời lượng dành cho việc tạo Google Forms và các videos

Stt	Nội dung	Các bước	Thời lượng /1 bài (phút)	Số lượng	Tổng (phút)
1	Google Forms	Đối chiếu với nội dung trong đề cương chi tiết Lựa chọn tài liệu Gõ chuyển đổi sang Google Forms Duyệt lại và chỉnh sửa	40	151	6040
2	Videos	Nghiên cứu các đề mục trong Grammar Bank Lựa chọn nội dung và ví dụ phù hợp Tạo slides trên PowerPoints Tạo video bài giảng dùng Screen Recording Xem lại Video Chỉnh sửa Tải (upload) lên Youtube	120	28	3360
Tổng					9400

4. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu trên là một minh chứng cho thấy việc ứng dụng công nghệ mang lại hiệu quả rất lớn cho giảng viên và sinh viên. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học, việc ứng dụng công nghệ trong dạy học là hướng đi cần thiết. Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin các giảng viên hoàn toàn có thể đảm bảo được nội dung giảng dạy tới các sinh viên theo đúng lịch trình và đủ lượng kiến thức. Đồng thời, sinh viên được trải nghiệm không gian học tập lớn hơn không bó hẹp trong lớp học truyền thống, thỏa mãn nhu cầu học tập phát triển bản thân của từng em, và các em luôn được hỗ trợ và tiếp cận với kiến thức mọi nơi mọi lúc. Do đó, lãnh đạo các nhà trường cần có cơ chế chính sách khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin

vào giảng dạy. Đồng thời, nâng cấp và xây dựng hệ thống máy tính trong các phòng máy tốt hơn tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và giảng dạy gắn liền với ứng dụng công nghệ.

Nghiên cứu trên đây mô tả quá trình sử dụng 3 sản phẩm của Google và Microsoft. Trên thực tế còn có rất nhiều các ứng dụng khác xuất hiện và được cập nhật liên tục. Do đó, các giảng viên đại học với vai trò quan trọng quyết định thành bại trong giáo dục, nên ý thức chủ động tiếp cận các công nghệ mới, và mạnh dạn áp dụng vào thực tế giảng dạy không chỉ đối với học phần tiếng Anh 3 mà còn các học phần ở các môn học khác. Điều này không chỉ giúp giảng viên hiện đại hóa không gian lớp học của mình mà còn góp phần to lớn vào công cuộc đổi mới môi trường giáo dục đại học và nâng cao chất lượng dạy và học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cortez, M. B. (2017). *Google Classroom: Exploring the Benefits for Teachers*. Retrieved from: <https://edtechmagazine.com/k12/article/2017/06/google-classroom-exploring-benefits-teachers>
- DiMaria, F. (2017). *5 Quick Tips on How to Use Google Classroom*. Retrieved from: <https://www.aeseducation.com/blog/2016/10/how-to-use-google-classroom>
- Google. "Spark learning with G Suite for Education". Truy xuất từ https://edu.google.com/products/gsuite-for-education/?modal_active=none
- Regan, T. (2017). *Google's Classroom is open to anyone with an urge to teach*. Retrieved from: <https://www.engadget.com/2017/04/27/googles-classroom-is-open-to-anyone-with-an-urge-to-teach/>
- Phạm Đức Thuận. (2018). Application of Google Forms in EFL Classroom. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế "Promoting ELT: Diverse Perspectives and New Horizons"*. NXB ĐH Sư phạm Tp Hồ Chí Minh.